

Số: ~~2894~~/QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~17~~ tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt Kế hoạch thu - chi
tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả DVMTR;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả DVMTR;

Căn cứ Văn bản số 163/VNFF-BĐH ngày 31/8/2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về việc thông báo dự kiến điều phối tiền chi trả DVMTR năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đối tượng tham gia chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị Quyết số 04/NQ-HĐQL ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng Quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Định về việc thông qua Kế hoạch thu, chi và kinh phí chi trả DVMTR tỉnh Bình Định năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 2270/TTr-SNN ngày 18/7/2016 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2583/STC-HCSN ngày 27/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu - chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016 như sau:

I. Dự toán thu DVMTR năm 2016: 5.715.158.364 đồng.

Trong đó:

1. Số thu DVMTR chưa phân phối năm trước chuyển sang: 47.845.172 đồng.

2. Kế hoạch thu tiền DVMTR năm 2016: 5.667.313.192 đồng.

+ Thu từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều phối (các cơ sở sản xuất thủy điện): 3.014.917.220 đồng.

+ Thu nhận ủy thác từ các đối tượng sử dụng DVMTR (Thu nội tỉnh): 2.652.395.972 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)

II. Kế hoạch phân phối tiền DVMTR năm 2016: 5.715.158.364 đồng.

+ Kinh phí hoạt động bộ máy Quỹ (10%): 571.515.836 đồng.

+ Kinh phí chi trả cho các chủ rừng (90%): 5.143.642.528 đồng.

+ Kinh phí dự phòng: 0 đồng.

Năm 2016 không trích lập Quỹ dự phòng vì mức tồn quỹ dự phòng chưa sử dụng năm trước chuyển sang đảm bảo đủ 5% theo quy định).

(Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm)

III. Kế hoạch chi trả DVMTR năm 2016

1. Diện tích rừng cung ứng DVMTR đã quy đổi theo hệ số K: 89.038,42 ha.

2. Kinh phí chi trả cho các đối tượng cung ứng DVMTR: 5.143.642.528 đồng.

Trong đó:

2.1. Chi trả cho chủ rừng là tổ chức nhà nước:

+ Diện tích rừng cung ứng DVMTR: 85.515,97 ha.

+ Kinh phí chi trả: 4.348.300.166 đồng.

2.2. Chi trả cho Tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý BVR (UBND các xã...):

+ Diện tích rừng cung ứng DVMTR: 2.368,41 ha.

+ Kinh phí chi trả: 86.898.669 đồng.

2.3. Chủ rừng là hộ gia đình:

+ Diện tích rừng cung ứng DVMTR: 164,74 ha.

+ Kinh phí chi trả: 3.855.125 đồng.

2.4. Kinh phí phải trả cho các chủ rừng chưa xác định được đối tượng, ranh giới, diện tích : 704.588.568 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm)

IV. Dự toán chi phí hoạt động bộ máy Quỹ năm 2016:

1. Nguồn kinh phí hoạt động bộ máy Quỹ được trích năm 2016 (10%): 571.515.836 đồng.

2. Dự toán chi hoạt động bộ máy Quỹ năm 2016: 571.515.836 đồng.

Trong đó:

- Chi hoạt động bộ máy Quỹ năm 2016: 517.438.240 đồng.
- Phân bổ chi phí hoạt động bộ máy Quỹ năm 2015 thiếu nguồn chuyển sang: 54.077.596 đồng.

3. Chi phí hoạt động năm trước còn thiếu nguồn (*tính đến ngày 31/12/2016*) là 47.622.363 đồng.

4. Cho phép Quỹ tạm sử dụng từ nguồn vốn cấp ban đầu (*Một tỷ đồng*) để cân đối và sẽ hoàn trả vào năm sau.

(Chi tiết theo phụ lục số 04 đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu